

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN

Bản án số: 61/2021/HS-ST

Ngày 25/8/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Chính

2. Ông Ma Ngọc Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2021/HSST, ngày 30 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Bàn Xuân T, sinh ngày 15/9/1990; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bàn Văn K và bà Ngô Thị C; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2019 đến ngày 28/11/2019 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 28/11/2019 đến ngày 05/8/2020. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Văn T1 sinh năm 1983; Nơi cư trú: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).

2. Tạ Văn N sinh năm 1997; Nơi cư trú: thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).

3. Tạ Nguyễn L sinh năm 1992; Nơi ĐKNKTT: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Chỗ ở hiện nay: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).

4. Ông Trần Văn C1 sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị B sinh năm 1973; Nơi cư trú: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).

6. Bà Nguyễn Thị T2 sinh năm 1964; Nơi cư trú: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).

7. Ông Nguyễn Gia N1 sinh năm 1992; Nơi cư trú: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).
8. Bà Nông Thị P sinh năm 1982; Nơi cư trú: tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).
9. Ông Dương Minh N2 sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
10. Bà Nguyễn Thị V sinh năm 1967; Nơi cư trú: Tổ B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).
11. Bà Phạm Thị H sinh năm 1968; Nơi cư trú: Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).
12. Ông Nguyễn Trọng B1 sinh năm 1983; Nơi cư trú: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).
13. Ông Phan Duy P1 sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
14. Ông Đinh Duy C2 sinh năm 1990; Nơi cư trú: Tổ B, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).
15. Bà Hà Thị T3 sinh năm 1981; Nơi cư trú: thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
16. Bà Hà Thị C3 sinh năm 1969; Nơi cư trú: Tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).
17. Ông Đặng Văn Đ sinh năm 1995; Nơi cư trú: thôn B, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
18. Ông Hoàng Ngọc T4 sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).
19. Bà Nguyễn Tuyết P2 sinh năm 1971; Nơi cư trú: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).
20. Ông Hoàng Văn Đ1 sinh năm 1989; Nơi cư trú: thôn Đ, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt có lý do).
21. Ông Nguyễn Văn H1 sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).
22. Ông Nông Minh P3 sinh năm 1986; Nơi cư trú: Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).
23. Bà Nguyễn Thị Tuyết V1 sinh năm 1974; Nơi cư trú: Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
24. Ông Nguyễn Văn K1 sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
25. Bà Chu Hoài T5 sinh năm 1992; Nơi cư trú: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
26. Bà Hà Thị P4 sinh năm 1983; Nơi cư trú: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).
27. Ông Hồ Văn T6 sinh năm 1973; Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10 năm 2017, Bàn Xuân T cùng Nguyễn Văn T1 mở cửa hiệu cho thuê xe máy điện, xe mô tô, dịch vụ cầm đồ “AT” tại Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, người đứng tên kinh doanh là Bàn Xuân T. T1 và T thống nhất cơ sở cầm đồ “AT” sẽ hoạt động cho vay lãi nặng với hai hình thức: “vay lãi nằm” và “vay bóc bát họ”.

Vay lãi nằm: Khách có thể vay số tiền bất kỳ, tính lãi ngày là 5.000đ/1.000.000đ/1ngày (Tính ra lãi suất là 0,5%/1 ngày = 182,5%/1 năm), 10 ngày trả lãi một lần đến khi nào trả hết số tiền gốc vay thì dừng trả lãi.

Vay bóc bát họ: Quy định 01(một) bát là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Thực tế khi khách vay thì chỉ được nhận 8.000.000đ (tám triệu đồng) tiền mặt nhưng phải ghi trong giấy vay tiền là vay 10.000.000đ (mười triệu đồng) sau đó sẽ thu lãi và gốc hàng ngày trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Như vậy, với 8.000.000đ (tám triệu đồng) tiền gốc cho vay, trong vòng 50 ngày thì sẽ thu được 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền lãi, trung bình mỗi ngày thu 40.000đ (bốn mươi nghìn đồng) tiền lãi trên 8.000.000đ (tám triệu đồng) tiền gốc vay (Tính ra mức lãi trung bình là 5.000đ/1.000.000đ/1ngày = lãi suất 0,5%/1 ngày = 182,5%/1 năm).

Nguyễn Văn T1 là người đầu tư toàn bộ tiền vốn cho khách vay, Bàn Xuân T sẽ trực tiếp cho khách vay tiền, làm thủ tục cho vay, thu tiền lãi, tiền gốc, nhắc nợ, lập sổ theo dõi chi tiêu hàng ngày. Hàng tháng T1 và T sẽ tổng hợp số tiền cho vay trong tháng, tiền gốc thu lại, tiền lãi thu được, chi trả các chi phí cho quầy “AT”, sau đó lợi nhuận thu được từ việc cho vay lãi suất cao sẽ được chia tỷ lệ T1 hưởng 60%, T hưởng 40%. Đến tháng 3 năm 2018, T1 và T thuê thêm Tạ Văn N để hỗ trợ công việc cho vay lãi nặng. Hàng ngày N ở quầy làm thủ tục cho khách vay tiền, thu tiền lãi, tiền gốc, nhắc nợ, nhập số liệu theo dõi các khách vay hình thức bóc bát họ, N được trả lương từ 4.000.000đ (bốn triệu đồng) đến 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng. Đến tháng 9 năm 2019, Tạ Nguyễn L cũng được T1 và T thuê hỗ trợ công việc cho vay lãi nặng với nhiệm vụ tương tự N, với mức lương 2.000.000đ (hai triệu đồng)/1tháng.

Quá trình điều tra đã làm rõ, từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2019, dưới sự chỉ đạo và đầu tư vốn của Nguyễn Văn T1, Bàn Xuân T đã trực tiếp thực hiện và điều hành, chỉ đạo Tạ Văn N, Tạ Nguyễn L thực hiện cho 24 người vay tiền với lãi suất 182,5%/ 1 năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự cho phép là 20%/1năm, với tổng số tiền cho vay là 658.000.000đ (sáu trăm năm mươi tám triệu đồng), tổng tiền gốc đã thu là 395.480.000đ (ba trăm chín mươi năm triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng), gốc chưa thu là 262.520.000đ (hai trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng) tổng tiền lãi đã thu là 164.020.000đ (một trăm sáu mươi tư triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là **146.045.000đ** (một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi năm nghìn đồng). Cụ thể:

1. Trần Văn C1, vay hình thức bóc bát:

Ngày 17/9/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 30/10/2019 đã thu đủ gốc và lãi số tiền 10.000.000đ, trong đó lãi là 2.000.000đ, gốc là 8.000.000đ.

Ngày 30/10/2019, vay 02 bát số tiền 16.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu 16 ngày số tiền 6.400.000đ, trong đó lãi đã thu là 1.280.000đ, gốc đã thu là 5.120.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 13.120.000đ, lãi đã thu là 3.280.000đ, gốc chưa thu là 10.880.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **2.921.000đ**.

2. Nguyễn Thị B, vay hình thức bốc bát:

Ngày 27/9/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 24/10/2019, đã thu gốc và lãi được 50 ngày là 10.000.000đ, trong đó tiền lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 24/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 16/11/2019, đã thu gốc và lãi được 23 ngày là 4.600.000đ, trong đó lãi đã thu là 920.000đ, gốc đã thu là 3.680.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 11.680.000đ, lãi đã thu là 2.920.000đ, gốc chưa thu là 4.320.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **2.600.000đ**.

3. Nguyễn Thị T2, vay hình thức bốc bát:

Ngày 19/5/2019, vay số lượng 02 bát số tiền 16.000.000đ đến tháng 9/2019 đã thu đủ 50 ngày, trong đó gốc đã thu là 16.000.000đ, lãi đã thu là 4.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **3.562.000đ**.

4. Nguyễn Gia N1, vay hình thức bốc bát:

Ngày 17/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 16/11/2019, đã thu gốc và lãi được 27 ngày, trong đó gốc đã thu là 4.320.000đ, lãi đã thu là 1.080.000đ, gốc chưa thu là 3.680.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **962.000đ**.

5. Nông Thị P, vay hình thức bốc bát:

Ngày 18/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 17/11/2019 đã thu 30 ngày, trong đó lãi đã thu là 1.200.000đ, gốc đã thu là 4.800.000đ.

Ngày 08/11/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ. Đến ngày 17/11/2019 đã thu được 09 ngày, trong đó lãi đã thu là 180.000đ, gốc đã thu là 720.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 5.520.000đ, lãi đã thu là 1.380.000đ, gốc chưa thu là 6.480.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.229.000đ**.

6. Dương Minh N2, vay hình thức bốc bát:

Ngày 11/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 08/11/2019, thu đủ 50 ngày, trong đó số tiền lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.781.000đ**.

7. Nguyễn Thị V, vay hình thức bốc bát:

Ngày 11/9/2019, vay 02 bát số tiền 16.000.000đ. Đến ngày 30/10/2019, thu đủ 50 ngày tiền gốc và lãi là 20.000.000đ, trong đó lãi đã thu là 4.000.000đ, gốc đã thu là 16.000.000đ.

Ngày 08/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 16/11/2019, đã thu 38 ngày với số tiền 7.600.000đ, trong đó lãi đã thu là 1.520.000đ, gốc đã thu là 6.080.000đ.

Ngày 08/11/2019, vay 02 bát số tiền 16.000.000đ. Đến ngày 16/11/2019, đã thu gốc và lãi được 07 ngày số tiền 2.800.000đ, trong đó tiền lãi đã thu là 560.000đ, tiền gốc đã thu là 2.240.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 24.320.000đ, lãi đã thu là 6.080.000đ, gốc chưa thu là 15.680.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **5.414.000đ**.

8. Phạm Thị H1, vay hình thức bốc bát:

Ngày 08/7/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 02/10/2019, thu đủ gốc và lãi, trong đó lãi là 2.000.000đ, gốc là 8.000.000đ.

Ngày 02/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 04/11/2019, thu đủ gốc và lãi, trong đó lãi là 2.000.000đ, gốc là 8.000.000đ.

Ngày 04/11/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 16/11/2019, đã thu gốc và lãi được 10 ngày, trong đó lãi đã thu là 400.000đ, gốc đã thu là 1.600.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 17.600.000đ, lãi đã thu là 4.400.000đ, gốc chưa thu là 6.400.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **3.918.000đ**.

9. Nguyễn Trọng B1, vay hình thức lãi năm:

Giữa năm 2018, vay số tiền 20.000.000đ. Đến tháng 11/2019, đã thu lãi số tiền là 46.000.000đ, gốc chưa thu là 20.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **40.958.000đ**.

10. Phan Duy P1, vay hình thức bốc bát:

Ngày 03/9/2019, vay 1,5 bát số tiền 12.000.000đ, đến ngày 19/10/2019 đã thu đủ gốc và lãi, trong đó gốc đã thu là 12.000.000đ, lãi đã thu là 3.000.000đ.

Ngày 03/11/2019, vay 1,5 bát số tiền 12.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu lãi và gốc được 12 ngày, lãi đã thu là 720.000đ, gốc đã thu là 2.880.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 14.880.000đ, lãi đã thu là 3.720.000đ, gốc chưa thu là 9.120.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **3.312.000đ**.

11. Đinh Duy C2, vay hình thức bốc bát:

Ngày 09/9/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 27/10/2019 thu đủ gốc và lãi, trong đó gốc là 4.000.000đ, lãi là 1.000.000đ.

Ngày 09/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 thu gốc và lãi được 37 ngày, trong đó lãi đã thu là 1.480.000đ, gốc đã thu là 5.920.000đ.

Ngày 27/10/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 thu gốc và lãi được 19 ngày, trong đó lãi đã thu là 380.000đ, gốc đã thu là 1.520.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 11.440.000đ, lãi đã thu là 2.860.000đ, gốc chưa thu là 4.560.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **2.547.000đ**.

12. Hà Thị T3, vay hình thức bốc bát:

Ngày 28/8/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 15/10/2019 thu đủ tiền gốc và lãi, trong đó số tiền lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 27/9/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 10/11/2019 thu đủ tiền gốc và lãi, trong đó số tiền lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 10/11/2019, vay 02 bát số tiền 16.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu được 07 ngày, trong đó lãi đã thu là 560.000đ, gốc đã thu là 2.240.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 18.240.000đ, lãi đã thu là 4.560.000đ, gốc chưa thu là 13.760.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **4.060.000đ**.

13. Hà Thị C3, vay hình thức bốc bát:

Ngày 08/9/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 25/10/2019 thu đủ tiền gốc và lãi, trong đó lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 02/10/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu được 43 ngày, trong đó lãi đã thu là 860.000đ, gốc đã thu là 3.440.000đ.

Ngày 25/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu gốc và lãi được 21 ngày, trong đó lãi đã thu là 840.000đ, gốc đã thu là 3.360.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 14.800.000đ, lãi đã thu là 3.700.000đ, gốc chưa thu là 5.200.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **3.295.000đ**.

14. Đặng Văn Đ, vay hình thức lãi nằm:

Ngày 23/7/2018, vay số tiền 10.000.000đ. Đến tháng 11/2019, đã thu số tiền lãi là 12.750.000đ, tiền gốc đã thu là 5.000.000đ.

Ngày 19/6/2019, vay số tiền 10.000.000đ. Đến tháng 11/2019, đã thu lãi số tiền 6.650.000đ, chưa thu gốc.

Tổng số tiền gốc đã thu về là 5.000.000đ, lãi đã thu về là 19.400.000đ, gốc chưa thu 15.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **17.273.000đ**.

15. Hoàng Ngọc T4, vay hình thức bốc bát:

Ngày 13/9/2018, vay 03 bát số tiền 24.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu được 41 ngày, trong đó lãi đã thu là 4.920.000đ, gốc đã thu là 19.680.000đ.

Cũng trong ngày 13/9/2018, Tuần tiếp tục vay 04 bát số tiền 32.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu được 30 ngày, trong đó lãi đã thu là 4.800.000đ, gốc đã thu là 19.200.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 38.880.000đ, lãi đã thu là 9.720.000đ, gốc chưa thu là 17.120.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **8.655.000đ**.

16. Nguyễn Tuyết P2, vay hình thức bốc bát:

Ngày 25/8/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 16/11/2019, đã thu lãi và gốc số tiền 7.000.000đ, trong đó tiền lãi đã thu là 1.400.000đ, gốc đã thu là 5.600.000đ, gốc chưa thu là 2.400.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.247.000đ**.

17. Hoàng Văn Đ1, vay hình thức lãi nằm:

Ngày 23/7/2019, vay số tiền 10.000.000đ, đến tháng 11/2019 đã thu lãi số tiền 4.000.000đ, đã thu gốc.

Tháng 8/2019, vay số tiền 10.000.000đ, đến tháng 10/2019 đã thu lãi số tiền 1.500.000đ, đã thu gốc.

Ngày 29/10/2019, vay số tiền 10.000.000đ, đã thu lãi số tiền 500.000đ, chưa thu gốc.

Tổng số tiền gốc đã thu là 20.000.000đ, lãi đã thu là 6.000.000đ, gốc chưa thu là 10.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **5.342.000đ**.

18. Nguyễn Văn H1, vay hình thức bốc bát:

Ngày 30/9/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 29/10/2019 thu đủ 50 ngày, trong đó lãi đã thu là 1.000.000đ, gốc đã thu là 4.000.000đ.

Ngày 10/10/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu được 35 ngày, trong đó lãi đã thu là 700.000đ, gốc đã thu là 2.800.000đ.

Ngày 29/10/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu 16 ngày, trong đó số tiền lãi đã thu là 320.000đ, gốc đã thu là 1.280.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 8.080.000đ, lãi đã thu là 2.020.000đ, gốc chưa thu là 3.920.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.799.000đ**.

19. Nông Minh P3, vay hình thức bốc bát:

Trong tháng 9/2019, vay 03 lần tổng là 04 bát số tiền 32.000.000đ. Đến ngày 11/11/2019, đã thu đủ lãi và gốc, trong đó lãi đã thu là 8.000.000đ, gốc đã thu là 32.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **7.123.000đ**.

20. Nguyễn Thị Tuyết V1, vay hình thức bốc bát:

Ngày 01/9/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 08/10/2019 thu đủ lãi và gốc, trong đó lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 14/9/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 31/10/2019 thu đủ gốc và lãi, trong đó lãi đã thu là 1.000.000đ, gốc đã thu là 4.000.000đ.

Ngày 08/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 10/11/2019 thu đủ lãi và gốc, trong đó lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 31/10/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đã thu gốc và lãi được 15 ngày, trong đó lãi đã thu là 300.000đ, gốc đã thu là 1.200.000đ.

Ngày 10/11/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu lãi và gốc được 05 ngày, trong đó lãi đã thu là 200.000đ, gốc đã thu là 800.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 22.000.000đ, lãi đã thu là 5.500.000đ, gốc chưa thu là 10.000.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **4.897.000đ**.

21. Nguyễn Văn K1, vay hình thức bốc bát:

Ngày 25/8/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 04/10/2019 thu đủ tiền lãi và gốc, trong đó lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 04/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 08/11/2019 thu đủ tiền lãi và gốc, trong đó lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 08/11/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu được 06 ngày, trong đó lãi đã thu là 240.000đ, gốc đã thu là 960.000đ.

Tổng tiền lãi đã thu là 4.240.000đ, tiền gốc đã thu là 16.960.000đ, gốc chưa thu là 7.040.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **3.775.000đ**.

22. Chu Hoài T5, vay hình thức bốc bát:

Ngày 01/9/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 13/10/2019 thu đủ tiền lãi và gốc, trong đó lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 13/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đã thu được 33 ngày, trong đó lãi đã thu là 1.320.000đ, gốc đã thu là 5.280.000đ.

Tổng tiền lãi đã thu là 3.320.000đ, tiền gốc đã thu là 13.280.000đ, gốc chưa thu là 2.720.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **2.956.000đ**.

23. Hà Thị P4, vay hình thức bốc bát:

Ngày 11/9/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 24/10/2019 thu đủ tiền gốc và lãi, trong đó lãi là 1.000.000đ, gốc là 4.000.000đ.

Ngày 24/10/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 thu lãi và gốc được 22 ngày, trong đó lãi đã thu là 440.000đ, gốc đã thu là 1.760.000đ.

Tổng tiền lãi đã thu là 1.440.000đ, gốc đã thu là 5.760.000đ, gốc chưa thu là 2.240.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.282.000đ**.

24. Hồ Văn T6, vay hình thức bốc bát:

Ngày 29/6/2018, vay 20 bát nhận số tiền 160.000.000đ. Đến tháng 11/2019, đã thu số tiền lãi là 17.000.000đ, tiền gốc đã thu là 68.000.000đ, tiền gốc chưa thu là 92.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **15.137.000đ**.

Ngày 14/11/2019, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp quây Cầm đồ “AT” thu giữ:

- 02 két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp màu xanh nhạt seri 61724 (nặng 100kg) và seri 1217300 (nặng 100kg), két cũ đã qua sử dụng.
- 01 cây máy tính màu đỏ đen nhãn hiệu Smart đã qua sử dụng.
- 01 cây máy tính màu trắng nhãn hiệu Fujitsu cũ đã qua sử dụng.
- 01 kẹp gồm 02 tờ giấy A4 có ghi họ tên và các chữ số thu giữ trên bàn làm việc.

- 01 hợp đồng vay tiền cá nhân giữa Bàn Xuân T và Nguyễn Thị Tuyết V1 thu giữ tại tủ sắt cạnh bàn làm việc.

- 01 hợp đồng vay tiền cá nhân giữa Bàn Xuân T và Phạm Thị H1 thu giữ trong tủ sắt cạnh bàn làm việc.

Sau khi tạm giữ các đồ vật trên, tiến hành mở két sắt có số seri 61724 thì tạm giữ được:

- 03 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Tạ Nguyễn L.
- 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Văn T1.
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Triệu Hữu A.

Tiến hành mở két sắt có số seri 1217300, tạm giữ:

- 01 quyển sổ có bìa màu xanh lá cây, trên bìa có dòng chữ “ENLIVO”, bên trong sổ có nội dung chữ viết tay trên 15 tờ giấy có chữ ký của Bàn Xuân T.

- 02 tờ giấy trong đó 01 tờ giấy biên nhận tiền có chữ ký bên nhận là Phạm Quyết T7, bên giao là Vũ Xuân L1, người làm chứng là Nguyễn Anh T1 và 01 tờ giấy hợp đồng vay tiền cá nhân giữa bên A là Vũ Xuân L1, bên B là Nông Minh P3.

- Số tiền Việt Nam: 18.550.000đ (mười tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) gồm: 36 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), 05 tờ tiền mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng), 01 tờ tiền mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng).

Cùng ngày 14/11/2019, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T1 thu giữ:

- Một giấy vay tiền ngày 13/10/2019 ký tên Hồ Văn T6.

- Một hợp đồng vay tiền bên cho vay là Bàn Xuân T, bên vay là Hồ Văn T6, đại diện bên vay là Hồ Văn T6 (Kèm theo 01 sổ bảo hiểm của Hồ Văn T6).

- 02 Tờ giấy được kẹp ghim, tờ thứ nhất có đề mục thứ 4, ngày 30/10/2019 có danh sách của 43 người ghi các mục ngày vay, số điện thoại, tiền vay, số ngày đã thu, tổng còn phải thu, thực thu hàng ngày, ghi chú.

- 01 Quyển sổ bìa màu vàng, bên ngoài ghi chữ sổ bát, bên trong sổ có 02 tờ giấy ghi nội dung giấy vay tiền, tên người vay là Đào Thị D vay ngày 18/10 và 03 trang giấy có ghi các chữ, số, 04 tờ giấy nhớ màu vàng có ghi chữ số.

- Thu giữ tại ngăn kéo tủ bên trái 01 máy tính laptop màu đen nhãn hiệu ASUS, máy không có pin và bộ sạc máy tính (tại phòng khách).

- Thu giữ tại ngăn tủ phải tại phòng khách 02 tờ giấy được kẹp ghim, tờ thứ nhất có đề mục thứ 5 ngày 31/10/2019 có danh sách của 43 người và ghi các mục ngày vay, số điện thoại, tiền vay, số ngày đã thu, tổng còn phải thu, thực thu hàng ngày, ghi chú.

- Thu giữ tại ngăn tủ bên phải phòng khách 25 tờ giấy khổ A4 có ghi nội dung liên quan đến hoạt động cho vay tiền.

- Thu giữ tại ngăn tủ bên phải tại phòng khách 70 tờ giấy khổ A4 có ghi nội dung liên quan đến hoạt động cho vay tiền.

- Thu giữ tại ngăn tủ bên phải phòng khách 01 quyển sổ có bìa màu xanh, có ghi sổ lãi năm. Bên trong sổ được viết các chữ và số.

- Thu giữ tại ngăn tủ bên phải phòng khách 01 quyển sổ bìa màu vàng có ghi nội dung liên quan đến hoạt động cho vay lãi từ 01/01/2019 đến 26/5/2019. Ngoài bìa sổ có chữ “Giáo án”.

- Thu giữ tại ngăn tủ bên phải tại phòng khách 01 quyển sổ bìa màu xanh bên trong có ghi nội dung liên quan đến hoạt động cho vay lãi. Bìa sổ ghi chữ “Sổ kế toán”.

- Thu giữ trong ngăn kéo ở bàn trong phòng ngủ tầng 2 một cuốn sổ ghi chép bìa màu hồng, bên trong có ghi nội dung chữ và số liên quan đến việc cho vay.

Cùng ngày 14/11/2019, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của Bàn Xuân T tại nhà bà Ngô Thị C (Là mẹ đẻ của Bàn Xuân T) tạm giữ: 01 quyển sổ có bìa màu đen bên trong có 68 (sáu mươi tám) tờ giấy trong có 06 (sáu) tờ giấy có ghi chép các dòng chữ số và tên.

Quá trình điều tra, Tạ Nguyễn L tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: 20 (hai mươi) Hợp đồng vay tiền, bên cho vay là Bàn Xuân T, Bên vay là: Nguyễn Gia N1 (02 giấy), Nguyễn Thị B (01 giấy), Trần Văn C1 (01 giấy), Nông Thị P (02 giấy), Nguyễn Thị V (02 giấy), Đinh Duy C2 (01 giấy), Phan Duy P1 (01 giấy), Hà Thị T3 (02 giấy), Hà Thị C3 (02 giấy), Nguyễn Thị Tuyết V1 (03 giấy), Hoàng Văn Đ1 (01 giấy), Nguyễn Văn H1 (01 giấy), Hà Thị P4 (01 giấy).

Tạm giữ của Bàn Xuân T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng, trong máy có gắn sim, máy cũ đã qua sử dụng.

Ngày 19/02/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn ra các Quyết định trưng cầu giám định số 34, 36, 37, trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn giám định về chữ viết, chữ ký trên các tài liệu liên quan đến hoạt động cho vay lãi mà Cơ quan điều tra thu thập được trong quá trình khám xét và các tài liệu khác mà các đối tượng tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại các Bản kết luận giám định của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận:

1. Chữ viết trong phần đóng khung bằng mực màu đỏ trên quyển sổ ký hiệu A1 với chữ viết trên bản tự khai của Bàn Xuân T (ký hiệu M1) là do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết trên quyển sổ ký hiệu A2 (trừ các chữ bằng mực màu đỏ “15/11/2019”, “Nguyễn Văn T1”) với chữ viết trên bản tự khai của Bàn Xuân T (ký hiệu M) là do cùng một người viết ra.

3. Chữ viết trong phần đóng khung bằng mực màu đỏ trên 02 (hai) quyển sổ cần giám định (ký hiệu A1 và A2) với chữ viết trên bản tự khai của Vũ Xuân L1 (ký hiệu M) là do cùng một người viết ra.

4. Chữ ký, chữ viết trong 02 “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Nguyễn Gia N1 (ký hiệu A1, A2) với chữ ký, chữ viết tại bản tự khai của Nguyễn Gia N1 (ký hiệu M1) là do cùng một người viết ra.

5. Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A” có chữ ký đứng tên Nguyễn Thị B (ký hiệu A3) với chữ ký, chữ viết tại bản tự khai của Nguyễn Thị B (ký hiệu M2) là do cùng một người viết ra.

6. Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Nông Thị P (ký hiệu A5, A6) với chữ ký, chữ viết tại bản tự khai của Nông Thị P (ký hiệu M3) là do cùng một người viết ra.

7. Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Hà Thị P4 (ký hiệu A21) với chữ ký, chữ viết tại bản tự khai của Hà Thị P4 (ký hiệu M4) là do cùng một người viết ra.

8. Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “đại diện bên B” có chữ ký đứng tên Trần Văn C1 (ký hiệu A4) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Trần Văn C1 (ký hiệu M5) là do cùng một người viết ra.

9. Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Nguyễn Thị V (ký hiệu A7, A8) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Nguyễn Thị V (ký hiệu M6) là do cùng một người viết ra.

10. Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Đinh Duy C2 (ký hiệu A9) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Đinh Duy C2 (ký hiệu M7) là do cùng một người viết ra.

11. Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Phan Duy P1 (ký hiệu A10) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Phan Duy P1 (ký hiệu M8) là do cùng một người viết ra.

12. Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Hà Thị T3 (ký hiệu A1, A12) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Hà Thị T3 (ký hiệu M9) là do cùng một người viết ra.

13. Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” ghi ngày 02/10/2019 dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Hà Thị C3 (ký hiệu A13) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Hà Thị C3 ngày 08/01/2020 (ký hiệu M10) là do cùng một người viết ra.

14. Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” ghi ngày 25/10/2019 dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Hà Thị C3 (ký hiệu A14) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời

khai Hà Thị C3 ngày 17/11/2019 (ký hiệu M11) là do cùng một người viết ra.

15. Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” ghi ngày 25/10/2019 dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Tuyết V1 (ký hiệu A15, A16, A17, A18) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Nguyễn Thị Tuyết V1 (ký hiệu M12) là do cùng một người viết ra.

16. Chữ ký, chữ viết trong “GIẤY HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” ghi ngày 25/10/2019 dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Hoàng Văn Đ1 (ký hiệu A19) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Hoàng Văn Đ1 (ký hiệu M13) là do cùng một người viết ra.

17. Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” ghi ngày 25/10/2019 dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Nguyễn Văn H (ký hiệu A20) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Nguyễn Văn H (ký hiệu M14) là do cùng một người viết ra.

18. Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” ghi ngày 25/10/2019 dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Phạm Thị H1 (ký hiệu A22) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Phạm Thị H1 (ký hiệu M15) là do cùng một người viết ra.

19. Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” và “Giấy vay tiền” có chữ ký đứng tên Hồ Văn T6 (ký hiệu A23, A24) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Hồ Văn T6 (ký hiệu M16) là do cùng một người viết ra.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Văn T1, Bàn Xuân T, Tạ Văn N, Tạ Nguyễn L, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn đã đề nghị Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc Kạn và ngân hàng BIDV chi nhánh Bắc Kạn sao kê các giao dịch tài khoản của Nguyễn Văn T1, Bàn Xuân T. Kết quả xác định lời khai của người vay tiền về việc đã trả nợ gốc và lãi cho các đối tượng đến các số tài khoản trên là phù hợp với nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Bàn Xuân T có biểu hiện không bình thường về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn đã ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn để làm rõ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã ra quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn để trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với Bàn Xuân T.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 117/KLGD ngày 27/4/2021 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: *“Tại thời điểm giám định đối tượng Bàn Xuân T không có bệnh tâm thần. Đối tượng đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Vấn đề năng lực trách nhiệm hình sự thuộc thẩm quyền của cơ quan tố tụng.”*

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội là do bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật kém, mặc dù bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay nặng lãi là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với động cơ, mục đích vụ lợi, kiếm tiền nhanh chóng.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định: Từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2019, Nguyễn Văn T1 còn mở thêm cơ sở cầm đồ “X” tại Tổ A, phường X,

thành phố B, tỉnh Bắc Kạn cũng đề hoạt động cho vay lãi nặng với hai hình thức vay lãi nằm và vay bốc bát họ. Trong quá trình hoạt động cho vay lãi nặng tại cơ sở cầm đồ “X”, T1 thuê Nguyễn Việt B2 và Nông Đức N3 trực tiếp thực hiện việc cho vay và thu tiền gốc, tiền lãi với lãi suất cho vay từ 182,5%/1 năm đến 365%/1 năm, với số tiền cho vay và tiền thu lợi bất chính hàng trăm triệu đồng. Tuy nhiên, hành vi phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Văn T1 cùng các đồng phạm khác đã được tách ra để truy tố, xét xử ở vụ án khác.

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố là thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. *Tại Cáo trạng số 44/CT-VKSTPBK ngày 28/7/2021 của VKSND thành phố Bắc Kạn truy tố đối với bị cáo Bàn Xuân T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự và tại bản luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:*

- Tuyên bố: Bị cáo Bàn Xuân T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

*** Về trách nhiệm hình sự:**

+ Áp dụng: khoản 2 Điều 201; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35, Điều 54/BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 80.000.000đ đến 100.000.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

*** Về các biện pháp tư pháp:**

Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 288 Bộ luật dân sự, đề nghị:

- Đối với các khoản tiền lãi 20% tại quầy “AT” mà T1 và T nhận được từ 24 người vay tiền tương ứng với số tiền 17.975.000đ là số tiền phát sinh từ hành vi phạm tội, cần truy thu sung ngân sách Nhà nước. Trong đó T1 phải chịu 60% (đã được xử lý trong vụ án khác); T phải chịu 40% từ các giao dịch mà T, N, L thực hiện, cụ thể: Tịch thu bị cáo Bàn Xuân T số tiền 7.190.000đ;

- Đối với khoản tiền lãi vượt quá mức 20%/năm là khoản tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Nguyễn Văn T1 đã thu lợi 60%, Bàn Xuân T thu lợi 40% của quầy AT) cho 24 khách vay tiền, đã được xét xử trong vụ án khác và Nguyễn Văn T1 đã chấp nhận bồi thường toàn bộ. Nay Nguyễn Văn T1 không yêu cầu Bàn Xuân T phải bồi hoàn lại khoản tiền 40% theo kỷ phần trong vụ án này và những người vay tiền không có yêu cầu gì nên không xem xét.

***Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 quyển sổ có bìa màu đen bên trong có 68 (sáu mươi tám) tờ giấy trong có 06 (sáu) tờ giấy có ghi chép các dòng chữ số và tên; 01 sim điện thoại (xác sim).

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với: Số tiền 5.000.000đ theo biên lai thu ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

***Về án phí:** Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng nhưng không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Kạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 11 năm 2019, tại hiệu cầm đồ “AT” thuộc Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, được sự đầu tư vốn và chỉ đạo của Nguyễn Văn T1, Bàn Xuân T đã có hành vi điều hành và trực tiếp thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, hưởng lợi theo tỷ lệ thỏa thuận là 40% trên tổng số tiền thu lợi bất chính, còn lại Nguyễn Văn T1 hưởng lợi 60%. T đã trực tiếp điều hành, chỉ đạo Tạ Văn N, Tạ Nguyễn L cho 24 người vay tiền với lãi suất 182,5%/1 năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, với tổng số tiền cho vay là 658.000.000đ (*Sáu trăm năm mươi tám triệu đồng*), tổng tiền lãi đã thu là: 164.020.000đ (*Một trăm sáu mươi tư triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng*), số tiền thu lợi bất chính là: **146.045.000đ** (*Một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi năm nghìn đồng*).

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Cáo trạng số 44/CT-VKSTPBK ngày 28/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng; hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là: *“Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”*; *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”*; Gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp khoản tiền 5.000.000đ để thi hành án được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án, tiền sự, nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự và chưa cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, phạt cải tạo không giam giữ mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

*Về hình phạt bổ sung: Vì đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

*Đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Văn T1, Tạ Văn N, Tạ Nguyễn L, Nguyễn Việt B2, Nông Đức N3 và việc xử lý vật chứng, trách nhiệm bồi thường dân sự cùng các vấn đề có liên quan đã được tách ra để truy tố, xét xử ở vụ án khác. Tại Bản án số 18/2021/HS-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã tuyên xử Nguyễn Văn T1, Tạ Văn N, Tạ Nguyễn L, Nguyễn Việt B2 và Nông Đức N3 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự (Bản án đã có hiệu lực pháp luật).

[6] Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với các khoản tiền lãi 20% tại quầy “AT” mà T1 và T nhận được từ 24 người vay tiền tương ứng với số tiền 17.975.000đ là số tiền phát sinh từ hành vi phạm tội, cần truy thu sung ngân sách Nhà nước. Trong đó T1 phải chịu 60% (đã được xử lý trong vụ án khác); T phải chịu 40% từ các giao dịch mà T, N, L thực hiện, cụ thể: Tịch thu bị cáo Bàn Xuân T số tiền 7.190.000đ;

- Đối với khoản tiền lãi vượt quá mức 20%/năm là khoản tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Nguyễn Văn T1 đã thu lợi 60%, Bàn Xuân T thu lợi 40% của quầy AT) cho 24 khách vay tiền, đã được xét xử trong vụ án khác và Nguyễn Văn T1 đã chấp nhận bồi thường toàn bộ. Nay Nguyễn Văn T1 không yêu cầu Bàn Xuân T phải bồi hoàn lại khoản tiền 40% theo kỷ phần trong vụ án này và những người vay tiền không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng trong vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng, đã dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước.

- 01 quyển sổ có bìa màu đen bên trong có 68 (sáu mươi tám) tờ giấy trong có 06 (sáu) tờ giấy có ghi chép các dòng chữ số và tên; 01 sim điện thoại (xác sim). Tất cả đều không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

+ Số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) do gia đình bị cáo tự nguyện nộp ngày 30/10/2020 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, sẽ tiếp tục tạm giữ để trừ vào số tiền phải thi hành án cho bị cáo.

(Các vật chứng khác đã được xử lý trong vụ án khác).

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố: Bị cáo Bàn Xuân T phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

*Áp dụng: khoản 2 Điều 201; Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Bàn Xuân T 80.000.000đ (*tám mươi triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

II. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 288 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Bàn Xuân T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.190.000đ (*bảy triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*) tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự (của 24 người vay tại cơ sở cầm đồ AT).

III. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng, máy cũ đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 quyển sổ có bìa màu đen bên trong có 68 (sáu mươi tám) tờ giấy trong có 06 (sáu) tờ giấy có ghi chép các dòng chữ số và tên; 01 sim điện thoại (xác sim).

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/8/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn*).

- Số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) do gia đình bị cáo tự nguyện nộp ngày 30/10/2020 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, sẽ tiếp tục tạm giữ để trừ vào số tiền phải thi hành án cho bị cáo.

IV. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí. Buộc bị cáo Bàn Xuân T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

“*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện*”

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự” - Theo Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND thành phố Bắc Kạn (01b);
- Công an thành phố Bắc Kạn (02b);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn
(Khi án có hiệu lực - 01b);
- Sở Tư pháp;
- Người tham gia tố tụng (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Tư